

**BẢNG TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB DỰ ÁN**  
**Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Thăng Long Thanh Hóa (giai đoạn 1) tại huyện Triệu Sơn**  
**và thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, trên địa bàn xã Đồng Tiến (thôn Phúc Âm 2)**

*(Kèm theo Phương án số: ...../PA-HĐGPMB ngày ...../01/2025 của Hội đồng bồi thường GPMB dự án)*

STT	Họ tên chủ sử dụng	Địa chỉ thửa đất (thôn/xóm)	Số tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Loại đất	DT nguyên thửa (m2)	Diện tích đất thu hồi (m2)					Thành tiền (đồng)						
							DT trong mốc GPMB		DT ngoài mốc GPMB		Tổng DT			Bồi thường hỗ trợ về đất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Bồi thường hỗ trợ cây cối hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng
							DT của hộ	DT UBND xã	DT của hộ	DT UBND xã	DT của hộ	DT UBND xã	Tổng					
1	Lê Hữu Cừ - Nguyễn Thị Nguyệt	Phúc Âm 2	15	506	LUC	1.620,0	1.620,0			1.620,0	-	1.620,0	89.100.000	178.200.000	12.960.000	34.560.000	503.044.000	
		Phúc Âm 2	15	536	LUC	1.088,0	1.088,0			1.088,0	-	1.088,0	59.840.000	119.680.000	8.704.000			
2	Nguyễn Thị Hồ	Phúc Âm 2	15	506	LUC	1.687,3	1.687,3			1.687,3	-	1.687,3	92.801.500	185.603.000	13.498.400	51.840.000	516.708.300	
		Phúc Âm 2	16	296	LUC	999,8	999,8			999,8	-	999,8	54.989.000	109.978.000	7.998.400			
3	Nguyễn Bá Vợi	Phúc Âm 2	15	507	LUC	961,8	813,0		146,7	2,1	959,7	2,1	961,8	52.783.500	105.567.000	7.694.400	63.360.000	229.404.900
4	Nguyễn Bá Vợi - Nguyễn Bá Linh	Phúc Âm 2	16	223	LUC	527,3	316,4		210,9		527,3	-	527,3	29.001.500	58.003.000	4.218.400	28.800.000	120.022.900
5	Lê Hữu Lan	Phúc Âm 2	15	530	LUC	1.048,6	728,1		48,2	272,3	776,3	272,3	1.048,6	42.696.500	85.393.000	8.388.800	46.080.000	444.065.100
		Phúc Âm 2	16	248	LUC	1.511,6	1.511,6			1.511,6	-	1.511,6	83.138.000	166.276.000	12.092.800			
6	Vũ Văn Khương - Nguyễn Thị Quế	Phúc Âm 2	15	500	LUC	2.042,3	1.881,0	47,8		113,5	1.881,0	161,3	2.042,3	103.455.000	206.910.000	16.338.400	34.560.000	586.180.700
		Phúc Âm 2	16	468	LUC	1.300,1	1.300,1			1.300,1	-	1.300,1	71.505.500	143.011.000	10.400.800			
7	Lê Hữu Thanh - Nhân	Phúc Âm 2	15	539	LUC	1.300,1	1.981,4			1.981,4	-	1.981,4	108.977.000	217.954.000	15.851.200	51.840.000	695.867.100	
		Phúc Âm 2	16	264	LUC	1.741,3	1.741,3			1.741,3	-	1.741,3	95.771.500	191.543.000	13.930.400			
8	Lê Đình Nhân	Phúc Âm 2	15	531	LUC	2.403,6	2.403,6			2.403,6	-	2.403,6	132.198.000	264.396.000	19.228.800	23.040.000	438.862.800	
9	Nguyễn Giáo Đạt	Phúc Âm 2	15	536	LUC	1.085,5	1.085,5			1.085,5	-	1.085,5	59.702.500	119.405.000	8.684.000	17.280.000	205.071.500	
10	Vũ Đức Hòa - Nguyễn Thị Na	Phúc Âm 2	15	537	LUC	2.984,5	2.984,5			2.984,5	-	2.984,5	164.147.500	328.295.000	23.876.000	40.320.000	556.638.500	
11	Nguyễn Văn Thế	Phúc Âm 2	15	538	LUC	2.524,3	2.473,1	51,2			2.473,1	51,2	2.524,3	136.020.500	272.041.000	20.194.400	34.560.000	787.865.600
		Phúc Âm 2	16	301	LUC	1.878,9	1.878,9			1.878,9	-	1.878,9	103.339.500	206.679.000	15.031.200			
12	Lê Hữu Xuân	Phúc Âm 2	15	566	LUC	191,0	48,7		142,3		191,0	-	191,0	10.505.000	21.010.000	1.528.000	46.080.000	285.271.700
		Phúc Âm 2	16	302	LUC	1.738,4	1.165,1	573,3		1.165,1	573,3	1.738,4	64.080.500	128.161.000	13.907.200			
13	Vũ Đức Tước	Phúc Âm 2	15	567	LUC	1.728,9	1.613,0		54,6	61,3	1.667,6	61,3	1.728,9	91.718.000	183.436.000	13.831.200	28.800.000	317.785.200
14	Lê Thị Hứa - Hà Đình Liêm	Phúc Âm 2	15	569	LUC	643,0	544,0	99,0			544,0	99,0	643,0	29.920.000	59.840.000	5.144.000	34.560.000	129.464.000
15	Nguyễn Bá Tài	Phúc Âm 2	15	570	LUC	1.594,4	1.594,4			1.594,4	-	1.594,4	87.692.000	175.384.000	12.755.200	28.800.000	304.631.200	
16	Lê Đình Toàn	Phúc Âm 2	15	572	LUC	1.575,2	1.575,2			1.575,2	-	1.575,2	86.636.000	173.272.000	12.601.600	34.560.000	307.069.600	
17	Nguyễn Bá Hồng	Phúc Âm 2	15	573	LUC	1.580,1	1.580,1			1.580,1	-	1.580,1	86.905.500	173.811.000	12.640.800	17.280.000	290.637.300	
18	Lê Đình Chi - Lê Đăng Hải	Phúc Âm 2	15	574	LUC	1.016,3	1.016,3			1.016,3	-	1.016,3	55.896.500	111.793.000	8.130.400	34.560.000	210.379.900	
19	Nguyễn Thị Thi	Phúc Âm 2	15	575	LUC	1.058,2	1.058,2			1.058,2	-	1.058,2	58.201.000	116.402.000	8.465.600	11.520.000	194.588.600	
20	Nguyễn Thị Khắc	Phúc Âm 2	15	576	LUC	1.610,9	1.610,9			1.610,9	-	1.610,9	88.599.500	177.199.000	12.887.200	11.520.000	290.205.700	
21	Hà Đình Lương	Phúc Âm 2	15	577	LUC	1.087,6	1.087,6			1.087,6	-	1.087,6	59.818.000	119.636.000	8.700.800	23.040.000	211.194.800	
22	Đỗ Đình Dương	Phúc Âm 2	15	578	LUC	1.051,2	1.051,2			1.051,2	-	1.051,2	57.816.000	115.632.000	8.409.600	40.320.000	222.177.600	
23	Nguyễn Văn Thế	Phúc Âm 2	15	579	LUC	1.064,6	1.064,6			1.064,6	-	1.064,6	58.553.000	117.106.000	8.516.800	40.320.000	224.495.800	
24	Hà Đình Lực - Vũ Thị Xuất	Phúc Âm 2	15	580	LUC	1.478,6	1.478,6			1.478,6	-	1.478,6	81.323.000	162.646.000	11.828.800	46.080.000	594.472.700	
		Phúc Âm 2	16	295	LUC	1.691,3	1.691,3			1.691,3	-	1.691,3	93.021.500	186.043.000	13.530.400			
25	Nguyễn Văn Tiến - Lê Thị Thu	Phúc Âm 2	15	581	LUC	240,3	71,7		168,6		240,3	-	240,3	13.216.500	26.433.000	1.922.400	23.040.000	257.225.000
		Phúc Âm 2	16	456	LUC	1.391,2	1.099,9	291,3		1.099,9	291,3	1.391,2	60.494.500	120.989.000	11.129.600			
26	Lê Thị Xuyên - Lê Hữu Thực	Phúc Âm 2	15	594	LUC	2.320,3	2.298,4		21,9		2.320,3	-	2.320,3	127.616.500	255.233.000	18.562.400	63.360.000	784.320.200
		Phúc Âm 2	16	459	LUC	1.847,1	1.847,1			1.847,1	-	1.847,1	101.590.500	203.181.000	14.776.800			
27	Lê Thị Rụ - Lê Thị Vương	Phúc Âm 2	15	595	LUC	1.095,3	1.088,0	7,3			1.088,0	7,3	1.095,3	59.840.000	119.680.000	8.762.400	5.760.000	194.042.400
28	Lê Thị Huệ	Phúc Âm 2	15	596	LUC	564,8	544,0	20,8			544,0	20,8	564,8	29.920.000	59.840.000	4.518.400	11.520.000	105.798.400
29	Lê Thị Trâm	Phúc Âm 2	15	597	LUC	1.049,6	1.049,6			1.049,6	-	1.049,6	57.728.000	115.456.000	8.396.800	11.520.000	193.100.800	

30	Lê Thị Nga	Phúc Âm 2	15	598	LUC	1.051,8	1.051,8				1.051,8	-	1.051,8	57.849.000	115.698.000	8.414.400	11.520.000	193.481.400
31	Thị Văn Thức - Lê Thị Quê	Phúc Âm 2	15	599	LUC	4.367,7	4.367,0	0,7			4.367,0	0,7	4.367,7	240.185.000	480.370.000	34.941.600	57.600.000	976.875.700
		Phúc Âm 2	16	384	LUC	946,7	946,7				946,7	-	946,7	52.068.500	104.137.000	7.573.600		
32	Lê Đình Điều	Phúc Âm 2	15	600	LUC	1.465,5	1.465,5				1.465,5	-	1.465,5	80.602.500	161.205.000	11.724.000	51.840.000	305.371.500
33	Nguyễn Văn Thao	Phúc Âm 2	15	602	LUC	2.683,1	2.683,1				2.683,1	-	2.683,1	147.570.500	295.141.000	21.464.800	46.080.000	510.256.300
34	Vũ Văn Tự	Phúc Âm 2	15	603	LUC	1.642,5	1.088,0	554,5			1.088,0	554,5	1.642,5	59.840.000	119.680.000	13.140.000	23.040.000	215.700.000
35	Lê Văn Huân - Nương	Phúc Âm 2	15	604	LUC	1.617,3	1.617,3				1.617,3	-	1.617,3	88.951.500	177.903.000	12.938.400	17.280.000	297.072.900
36	Lê Đình Mạnh	Phúc Âm 2	15	605	LUC	1.307,4	1.088,0	219,4			1.088,0	219,4	1.307,4	59.840.000	119.680.000	10.459.200	57.600.000	247.579.200
37	Lê Đình Đạo	Phúc Âm 2	15	606	LUC	1.958,6	1.958,6				1.958,6	-	1.958,6	107.723.000	215.446.000	15.668.800	17.280.000	672.759.700
		Phúc Âm 2	16	407	LUC	1.830,3	1.830,3				1.830,3	-	1.830,3	100.666.500	201.333.000	14.642.400		
38	Nguyễn Bá Việt	Phúc Âm 2	15	607	LUC	1.112,7	329,5				329,5	-	329,5	18.122.500	36.245.000	2.636.000	5.760.000	149.488.400
		Phúc Âm 2	19	187	LUC	501,3	501,3				501,3	-	501,3	27.571.500	55.143.000	4.010.400		
39	Nguyễn Bá Toàn	Phúc Âm 2	15	750	LUC	1.430,4	544,0	886,4			544,0	886,4	1.430,4	29.920.000	59.840.000	11.443.200	23.040.000	124.243.200
40	Lê Hữu Tôn - Miên	Phúc Âm 2	15	624	LUC	1.989,4	345,4	1.644,0			345,4	1.644,0	1.989,4	18.997.000	37.994.000	15.915.200	23.040.000	416.446.000
		Phúc Âm 2	19	109	LUC	1.852,6	1.852,6				1.852,6	-	1.852,6	101.893.000	203.786.000	14.820.800		
41	Vũ Trọng Tâm	Phúc Âm 2	16	485	LUC	664,6	544,0	120,6			544,0	120,6	664,6	29.920.000	59.840.000	5.316.800	28.800.000	123.876.800
42	Lê Hữu Đạo	Phúc Âm 2	16	484	LUC	661,7	544,0	117,7			544,0	117,7	661,7	29.920.000	59.840.000	5.293.600	28.800.000	123.853.600
43	Nguyễn Bá Lương	Phúc Âm 2	15	625	LUC	1.344,9	1.176,9	168,0			1.176,9	168,0	1.344,9	64.729.500	129.459.000	10.759.200	28.800.000	406.592.000
		Phúc Âm 2	15	714	LUC	999,1	999,1				999,1	-	999,1	54.950.500	109.901.000	7.992.800		
44	Lê Hữu Vĩnh	Phúc Âm 2	15	627	LUC	1.138,6	1.138,6				1.138,6	-	1.138,6	62.623.000	125.246.000	9.108.800	23.040.000	220.017.800
45	Lê Đình Đức - Lê Thị Ngà	Phúc Âm 2	15	628	LUC	1.559,4	1.559,4				1.559,4	-	1.559,4	85.767.000	171.534.000	12.475.200	34.560.000	304.336.200
46	Lê Quảng Quang	Phúc Âm 2	15	629	LUC	2.755,8	2.720,0	35,8			2.720,0	35,8	2.755,8	149.600.000	299.200.000	22.046.400	40.320.000	511.166.400
47	Lê Văn Vơn	Phúc Âm 2	15	630	LUC	1.533,5	1.533,5				1.533,5	-	1.533,5	84.342.500	168.685.000	12.268.000	-	265.295.500
48	Lê Văn Thành	Phúc Âm 2	15	631	LUC	1.871,4	1.088,0	783,4			1.088,0	783,4	1.871,4	59.840.000	119.680.000	14.971.200	34.560.000	229.051.200
49	Lê Thị Là	Phúc Âm 2	15	632	LUC	985,2	985,0	0,2			985,0	0,2	985,2	54.175.000	108.350.000	7.881.600	5.760.000	176.166.600
50	Lê Hữu Hải - Lê Hữu Hùng	Phúc Âm 2	15	633	LUC	1.515,1	1.515,1				1.515,1	-	1.515,1	83.330.500	166.661.000	12.120.800	11.520.000	478.620.000
		Phúc Âm 2	16	357	LUC	1.184,9	1.184,9				1.184,9	-	1.184,9	65.169.500	130.339.000	9.479.200		
51	Lê Hữu Hải - Lê Hữu Quang	Phúc Âm 2	16	357	LUC	684,0	684,0				684,0	-	684,0	37.620.000	75.240.000	5.472.000	28.800.000	147.132.000
52	Lê Thị Thắm - Lê Văn Độ	Phúc Âm 2	15	634	LUC	1.889,4	1.632,0	257,4			1.632,0	257,4	1.889,4	89.760.000	179.520.000	15.115.200	17.280.000	301.675.200
53	Lê Đình Nghị	Phúc Âm 2	15	635	LUC	1.680,2	1.179,2	501,0			1.179,2	501,0	1.680,2	64.856.000	129.712.000	13.441.600	28.800.000	520.668.000
		Phúc Âm 2	16	383	LUC	1.640,8	1.640,8				1.640,8	-	1.640,8	90.244.000	180.488.000	13.126.400		
54	Lê Hữu Hoat - Đỗ Thị Lý	Phúc Âm 2	15	636	LUC	1.953,1	727,7	1.181,7		43,7	727,7	1.225,4	1.953,1	40.023.500	80.047.000	15.624.800	40.320.000	567.047.200
		Phúc Âm 2	16	457	LUC	2.260,3	2.260,3				2.260,3	-	2.260,3	124.316.500	248.633.000	18.082.400		
55	Lê Thị Đang - Nguyễn Bá Nhiên	Phúc Âm 2	15	654	LUC	2.665,0	2.141,7	523,3			2.141,7	523,3	2.665,0	117.793.500	235.587.000	21.320.000	51.840.000	620.698.400
		Phúc Âm 2	16	431	LUC	1.122,3	1.122,3				1.122,3	-	1.122,3	61.726.500	123.453.000	8.978.400		
56	Lê Đình Giang	Phúc Âm 2	15	655	LUC	2.643,2	2.643,2				2.643,2	-	2.643,2	145.376.000	290.752.000	21.145.600	57.600.000	514.873.600
57	Lê Thị Nghìn	Phúc Âm 2	15	656	LUC	1.075,8	1.031,0	44,8			1.031,0	44,8	1.075,8	56.705.000	113.410.000	8.606.400	11.520.000	190.241.400
58	Lê Văn Bài	Phúc Âm 2	15	659	LUC	2.215,4	1.632,0	583,4			1.632,0	583,4	2.215,4	89.760.000	179.520.000	17.723.200	23.040.000	310.043.200
59	Thị Thị Diệp	Phúc Âm 2	15	661	LUC	2.183,7	2.176,0	7,7			2.176,0	7,7	2.183,7	119.680.000	239.360.000	17.469.600	51.840.000	428.349.600
60	Lê Hữu Chung - Bùi Thị Lâm	Phúc Âm 2	15	662	LUC	1.986,7	1.986,7				1.986,7	-	1.986,7	109.268.500	218.537.000	15.893.600	40.320.000	666.251.300
		Phúc Âm 2	16	356	LUC	1.631,4	1.631,4				1.631,4	-	1.631,4	89.727.000	179.454.000	13.051.200		
61	Lê Thị Viện - Lê Hữu Đáng	Phúc Âm 2	15	663	LUC	2.712,9	724,6				724,6	-	724,6	39.853.000	79.706.000	5.796.800	5.760.000	131.115.800
62	Lê Thị Kính - Lê Văn Đốc	Phúc Âm 2	15	678	LUC	2.127,8	2.127,8				2.127,8	-	2.127,8	117.029.000	234.058.000	17.022.400	69.120.000	752.660.300
		Phúc Âm 2	16	353	LUC	1.823,3	1.823,3				1.823,3	-	1.823,3	100.281.500	200.563.000	14.586.400		
63	Lê Hữu Đồ	Phúc Âm 2	15	680	LUC	2.172,3	2.172,3				2.172,3	-	2.172,3	119.476.500	238.953.000	17.378.400	34.560.000	410.367.900
64	Lê Văn Chức	Phúc Âm 2	15	681	LUC	2.350,3	2.176,0	174,3			2.176,0	174,3	2.350,3	119.680.000	239.360.000	18.802.400	23.040.000	400.882.400
65	Lê Đình Lô	Phúc Âm 2	15	683	LUC	3.930,8	3.808,0	122,8			3.808,0	122,8	3.930,8	209.440.000	418.880.000	31.446.400	46.080.000	705.846.400
66	Lê Thị Trường - Lê Hữu Thuận	Phúc Âm 2	15	685	LUC	1.322,2	1.322,2				1.322,2	-	1.322,2	72.721.000	145.442.000	10.577.600	28.800.000	513.770.900
		Phúc Âm 2	19	56	LUC	1.481,1	1.481,1				1.481,1	-	1.481,1	81.460.500	162.921.000	11.848.800		
67	Nguyễn Thị Nghĩa	Phúc Âm 2	15	775	LUC	2.159,9	1.812,0	347,9			1.812,0	347,9	2.159,9	99.660.000	199.320.000	17.279.200	34.560.000	350.819.200

68	Lê Đình Đức - Nguyễn Thị Xuân	Phúc Âm 2	15	686	LUC	1.781,1	1.732,0	49,1			1.732,0	49,1	1.781,1	95.260.000	190.520.000	14.248.800	46.080.000	346.108.800
69	Nguyễn Thị Cảnh - Nguyễn Thị Xuân	Phúc Âm 2	15	658	LUC	2.584,4	2.176,0	408,4			2.176,0	408,4	2.584,4	119.680.000	239.360.000	20.675.200	5.760.000	385.475.200
70	Lê Hữu Vui - Lê Thị Chiên	Phúc Âm 2	15	687	LUC	1.745,9	1.732,0	13,9			1.732,0	13,9	1.745,9	95.260.000	190.520.000	13.967.200	17.280.000	317.027.200
71	Vũ Thị Trứ - Lê Đình Thanh	Phúc Âm 2	15	688	LUC	938,7	938,7				938,7	-	938,7	51.628.500	103.257.000	7.509.600	17.280.000	179.675.100
72	Lê Đình Chính	Phúc Âm 2	16	329	LUC	1.846,5	1.840,1	6,4			1.840,1	6,4	1.846,5	101.205.500	202.411.000	14.772.000		610.803.200
		Phúc Âm 2	15	707	LUC	1.423,9	1.423,9				1.423,9	-	1.423,9	78.314.500	156.629.000	11.391.200	46.080.000	
73	Lê Văn Vui - Nguyễn Thị Khánh	Phúc Âm 2	15	689	LUC	1.334,6	1.334,6				1.334,6	-	1.334,6	73.403.000	146.806.000	10.676.800	11.520.000	242.405.800
74	Trần Đoàn Thiết	Phúc Âm 2	15	690	LUC	1.851,0	1.851,0				1.851,0	-	1.851,0	101.805.000	203.610.000	14.808.000	28.800.000	349.023.000
75	Lê Hữu Trứ	Phúc Âm 2	15	697	LUC	2.095,8	1.632,0	463,8			1.632,0	463,8	2.095,8	89.760.000	179.520.000	16.766.400	34.560.000	320.606.400
76	Lê Văn Tuệ	Phúc Âm 2	15	699	LUC	1.915,1	1.832,0	83,1			1.832,0	83,1	1.915,1	100.760.000	201.520.000	15.320.800	17.280.000	334.880.800
77	Lê Hữu Khánh - Lê Thị Thu	Phúc Âm 2	15	700	LUC	1.153,1	-	1.153,1			-	1.153,1	1.153,1	-	-	9.224.800		
		Phúc Âm 2	16	355	LUC	1.776,9	1.632,0	144,9			1.632,0	144,9	1.776,9	89.760.000	179.520.000	14.215.200	46.080.000	338.800.000
78	Nguyễn Giáo Thông	Phúc Âm 2	15	701	LUC	3606,8	2.720,0	886,8			2.720,0	886,8	3.606,8	149.600.000	299.200.000	28.854.400	28.800.000	506.454.400
79	Lê Hữu Thử - Lê Thị Uyên	Phúc Âm 2	15	702	LUC	1.615,3	1.615,3				1.615,3	-	1.615,3	88.841.500	177.683.000	12.922.400		11.520.000
		Phúc Âm 2	16	352	LUC	499,9	499,9				499,9	-	499,9	27.494.500	54.989.000	3.999.200		377.449.600
80	Lê Hữu Hòa - Nguyễn Thị Oanh	Phúc Âm 2	15	704	LUC	689,4	544,0	145,4			544,0	145,4	689,4	29.920.000	59.840.000	5.515.200	28.800.000	124.075.200
81	Thị Văn Quát	Phúc Âm 2	15	705	LUC	984,7	552,8	431,9			552,8	431,9	984,7	30.404.000	60.808.000	7.877.600		
		Phúc Âm 2	16	272	LUC	1.079,2	1.079,2				1.079,2	-	1.079,2	59.356.000	118.712.000	8.633.600	11.520.000	297.311.200
82	Lê Thị Nguyệt	Phúc Âm 2	15	706	LUC	1.858,6	1.088,0	770,6			1.088,0	770,6	1.858,6	59.840.000	119.680.000	14.868.800	34.560.000	228.948.800
83	Lê Hữu Nhiên - Lê Thị Ngoan	Phúc Âm 2	15	708	LUC	2.664,4	2.664,4				2.664,4	-	2.664,4	146.542.000	293.084.000	21.315.200		
		Phúc Âm 2	19	108	LUC	1.659,5	1.659,5				1.659,5	-	1.659,5	91.272.500	182.545.000	13.276.000	46.080.000	794.114.700
84	Nguyễn Giáo Vương - Lê Thị Vui	Phúc Âm 2	15	709	LUC	1.237,2	1.237,2				1.237,2	-	1.237,2	68.046.000	136.092.000	9.897.600		
		Phúc Âm 2	15	726	LUC	637,3	637,3				637,3	-	637,3	35.051.500	70.103.000	5.098.400	11.520.000	537.215.100
		Phúc Âm 2	16	405	LUC	1.164,2	1.164,2				1.164,2	-	1.164,2	64.031.000	128.062.000	9.313.600		
85	Nguyễn Giáo Thủy	Phúc Âm 2	15	711	LUC	3.175,8	3.041,0	134,8			3.041,0	134,8	3.175,8	167.255.000	334.510.000	25.406.400		
		Phúc Âm 2	19	57	LUC	1.067,0	1.067,0				1.067,0	-	1.067,0	58.685.000	117.370.000	8.536.000	40.320.000	752.082.400
86	Lê Văn Chiên	Phúc Âm 2	15	712	LUC	2.141,9	2.141,9				2.141,9	-	2.141,9	117.804.500	235.609.000	17.135.200	40.320.000	410.868.700
87	Lê Văn Thước	Phúc Âm 2	15	713	LUC	3.016,2	3.016,2				3.016,2	-	3.016,2	165.891.000	331.782.000	24.129.600	28.800.000	550.602.600
88	Lê Hữu Hội	Phúc Âm 2	15	716	LUC	1.633,4	1.632,0	1,4			1.632,0	1,4	1.633,4	89.760.000	179.520.000	13.067.200	-	282.347.200
89	Lê Hữu Địu - Lê Hữu Hoàng	Phúc Âm 2	15	717	LUC	1.920,2	1.920,0	0,2			1.920,0	0,2	1.920,2	105.600.000	211.200.000	15.361.600	5.760.000	337.921.600
90	Nguyễn Văn Chung	Phúc Âm 2	15	719	LUC	1.695,3	1.632,0	63,3			1.632,0	63,3	1.695,3	89.760.000	179.520.000	13.562.400	28.800.000	311.642.400
91	Lưu Thị Hà	Phúc Âm 2	15	721	LUC	2.015,1	2.015,1				2.015,1	-	2.015,1	110.830.500	221.661.000	16.120.800	28.800.000	377.412.300
92	Lê Thị Muôn	Phúc Âm 2	15	722	LUC	1.539,1	1.539,1				1.539,1	-	1.539,1	84.650.500	169.301.000	12.312.800	11.520.000	277.784.300
93	Lê Thị Trọng	Phúc Âm 2	15	723	LUC	1.206,6	1.088,0	118,6			1.088,0	118,6	1.206,6	59.840.000	119.680.000	9.652.800	17.280.000	206.452.800
94	Vũ Thị Gi	Phúc Âm 2	15	725	LUC	544,0	544,0				544,0	-	544,0	29.920.000	59.840.000	4.352.000	5.760.000	99.872.000
95	Vũ Đức Huy	Phúc Âm 2	15	725	LUC	1.899,5	1.893,9	5,6			1.893,9	5,6	1.899,5	104.164.500	208.329.000	15.196.000		
		Phúc Âm 2	19	22	LUC	1.446,1	1.446,1				1.446,1	-	1.446,1	79.535.500	159.071.000	11.568.800	46.080.000	623.944.800
96	Lê Văn Đức - Thị Thị Tuyển	Phúc Âm 2	15	727	LUC	1.848,3	1.848,3				1.848,3	-	1.848,3	101.656.500	203.313.000	14.786.400	28.800.000	348.555.900
97	Lê Thị Teng	Phúc Âm 2	15	728	LUC	1.089,2	1.088,0	1,2			1.088,0	1,2	1.089,2	59.840.000	119.680.000	8.713.600	11.520.000	199.753.600
98	Nguyễn Thị Nhàng	Phúc Âm 2	15	729	LUC	1.065,4	1.065,4				1.065,4	-	1.065,4	58.597.000	117.194.000	8.523.200	5.760.000	190.074.200
99	Lê Văn Độ - Cúc	Phúc Âm 2	15	730	LUC	1.425,6	1.301,5	124,1			1.301,5	124,1	1.425,6	71.582.500	143.165.000	11.404.800		
		Phúc Âm 2	16	380	LUC	874,5	874,5				874,5	-	874,5	48.097.500	96.195.000	6.996.000	17.280.000	394.720.800
100	Nguyễn Bá Huy	Phúc Âm 2	15	733	LUC	2.107,9	2.107,9				2.107,9	-	2.107,9	115.934.500	231.869.000	16.863.200	34.560.000	399.226.700
101	Vũ Đức Quang	Phúc Âm 2	15	734	LUC	2.048,4	2.048,4				2.048,4	-	2.048,4	112.662.000	225.324.000	16.387.200	34.560.000	388.933.200
102	Nguyễn Giáo Thịnh	Phúc Âm 2	15	735	LUC	1.014,0	1.014,0				1.014,0	-	1.014,0	55.770.000	111.540.000	8.112.000	23.040.000	198.462.000
103	Lê Văn Hùng	Phúc Âm 2	15	736	LUC	2.026,1	2.026,1				2.026,1	-	2.026,1	111.435.500	222.871.000	16.208.800	46.080.000	396.595.300
104	Nguyễn Bá Cấp	Phúc Âm 2	15	738	LUC	1.017,4	1.010,7	6,7			1.010,7	6,7	1.017,4	55.588.500	111.177.000	8.139.200		
		Phúc Âm 2	15	764	LUC	1.624,3	1.624,3				1.624,3	-	1.624,3	89.336.500	178.673.000	12.994.400	17.280.000	473.188.600

105	Lê Hữu Lịch - Lê Hữu Lâm	Phúc Âm 2	15	739	LUC	3.050,1	3.043,0	7,1			3.043,0	7,1	3.050,1	167.365.000	334.730.000	24.400.800	28.800.000	555.295.800
106	Vũ Văn Nhiên	Phúc Âm 2	15	740	LUC	2.325,0	2.176,0	149,0			2.176,0	149,0	2.325,0	119.680.000	239.360.000	18.600.000	40.320.000	417.960.000
107	Thị Văn Cường	Phúc Âm 2	15	741	LUC	2.271,3	2.176,0	95,3			2.176,0	95,3	2.271,3	119.680.000	239.360.000	18.170.400	46.080.000	423.290.400
108	Lê Thị Vai - Lê Văn Nhớ	Phúc Âm 2	15	742	LUC	2.521,7	2.521,7				2.521,7	-	2.521,7	138.693.500	277.387.000	20.173.600	34.560.000	470.814.100
109	Lê Đình Rong	Phúc Âm 2	15	743	LUC	2.931,0	2.931,0				2.931,0	-	2.931,0	161.205.000	322.410.000	23.448.000	34.560.000	541.623.000
110	Nguyễn Bá Bằng	Phúc Âm 2	15	744	LUC	1.694,7	1.632,0	62,7			1.632,0	62,7	1.694,7	89.760.000	179.520.000	13.557.600	40.320.000	323.157.600
111	Nguyễn Bá Tôn	Phúc Âm 2	15	745	LUC	2.230,2	2.176,0	54,2			2.176,0	54,2	2.230,2	119.680.000	239.360.000	17.841.600	51.840.000	428.721.600
112	Lê Đình Thanh - Xuân	Phúc Âm 2	15	746	LUC	1.688,9	1.688,9				1.688,9	-	1.688,9	92.889.500	185.779.000	13.511.200	28.800.000	320.979.700
113	Lê Hồng Nhật	Phúc Âm 2	15	748	LUC	3.230,5	3.230,5				3.230,5	-	3.230,5	177.677.500	355.355.000	25.844.000	46.080.000	604.956.500
114	Lê Văn Mai - Lê Thị Thủy	Phúc Âm 2	15	749	LUC	2.085,2	2.085,2				2.085,2	-	2.085,2	114.686.000	229.372.000	16.681.600	23.040.000	383.779.600
115	Ngô Văn Tươi - Lê Thị Gái	Phúc Âm 2	15	752	LUC	530,9	530,9				530,9	-	530,9	29.199.500	58.399.000	4.247.200	23.040.000	114.885.700
116	Ngô Văn Thọ	Phúc Âm 2	15	753	LUC	490,3	490,3				490,3	-	490,3	26.966.500	53.933.000	3.922.400	28.800.000	113.621.900
117	Lê Văn Đức - Đoàn Thị Hà	Phúc Âm 2	15	754	LUC	2.231,5	2.176,0	55,5			2.176,0	55,5	2.231,5	119.680.000	239.360.000	17.852.000	34.560.000	411.452.000
118	Nguyễn Bá Nam	Phúc Âm 2	15	755	LUC	1.090,5	1.088,0	2,5			1.088,0	2,5	1.090,5	59.840.000	119.680.000	8.724.000	17.280.000	205.524.000
119	Lê Công Tính	Phúc Âm 2	15	756	LUC	1.161,9	1.088,0	73,9			1.088,0	73,9	1.161,9	59.840.000	119.680.000	9.295.200	23.040.000	211.855.200
120	Lê Quang Chung	Phúc Âm 2	15	757	LUC	1.417,9	1.088,0	329,9			1.088,0	329,9	1.417,9	59.840.000	119.680.000	11.343.200	34.560.000	225.423.200
121	Lê Hữu Toàn	Phúc Âm 2	15	758	LUC	3.145,8	2.516,0	629,8			2.516,0	629,8	3.145,8	138.380.000	276.760.000	25.166.400	23.040.000	463.346.400
122	Thị Văn Trung - Thị Văn Tấn	Phúc Âm 2	15	759	LUC	2.053,9	2.053,9				2.053,9	-	2.053,9	112.964.500	225.929.000	16.431.200	40.320.000	447.925.300
123	Nguyễn Bá Thành	Phúc Âm 2	15	760	LUC	2.777,8	2.720,0	57,8			2.720,0	57,8	2.777,8	149.600.000	299.200.000	22.222.400	23.040.000	494.062.400
124	Nguyễn Hữu Lan - Lê Thị Huyền	Phúc Âm 2	15	761	LUC	2.380,7	2.176,0	204,7			2.176,0	204,7	2.380,7	119.680.000	239.360.000	19.045.600	28.800.000	406.885.600
125	Lê Hữu Thanh - Hiền	Phúc Âm 2	15	763	LUC	1.607,9	1.607,9				1.607,9	-	1.607,9	88.434.500	176.869.000	12.863.200	28.800.000	306.966.700
126	Lê Văn Dương	Phúc Âm 2	15	765	LUC	2.160,2	2.160,2				2.160,2	-	2.160,2	118.811.000	237.622.000	17.281.600	23.040.000	396.754.600
127	Lê Hữu Hùng - Nguyễn Thị Thanh	Phúc Âm 2	15	766	LUC	1.553,3	1.553,3				1.553,3	-	1.553,3	85.431.500	170.863.000	12.426.400	17.280.000	286.000.900
128	Lê Thị Xanh	Phúc Âm 2	15	767	LUC	2.169,6	2.169,6				2.169,6	-	2.169,6	119.328.000	238.656.000	17.356.800	17.280.000	392.620.800
129	Thị Văn Lâm	Phúc Âm 2	15	768	LUC	2.055,7	2.055,7				2.055,7	-	2.055,7	113.063.500	226.127.000	16.445.600	5.760.000	361.396.100
130	Lê Đình Hoàng	Phúc Âm 2	15	770	LUC	1.070,6	1.070,6				1.070,6	-	1.070,6	58.883.000	117.766.000	8.564.800	23.040.000	208.253.800
131	Nguyễn Thị Đông - Lê Hữu Xuân	Phúc Âm 2	15	781	LUC	452,7	321,8		130,9		452,7	-	452,7	24.898.500	49.797.000	3.621.600	-	78.317.100
132	Lê Hữu Nội	Phúc Âm 2	16	221	LUC	3.319,7	2.720,0	599,7			2.720,0	599,7	3.319,7	149.600.000	299.200.000	26.557.600	46.080.000	521.437.600
133	Nguyễn Thị Công	Phúc Âm 2	16	222	LUC	540,0	540,0				540,0	-	540,0	29.700.000	59.400.000	4.320.000	5.760.000	99.180.000
134	Lê Hữu Huân - Thanh	Phúc Âm 2	16	222	LUC	1.066,5	1.066,5				1.066,5	-	1.066,5	58.657.500	117.315.000	8.532.000	17.280.000	201.784.500
135	Thị Văn Hương - Thị Văn Thịnh	Phúc Âm 2	16	244	LUC	1.728,3	1.468,0	260,3			1.468,0	260,3	1.728,3	80.740.000	161.480.000	13.826.400	17.280.000	273.326.400
136	Nguyễn Anh Chuyển - Nguyễn Thị Hòa	Phúc Âm 2	16	268	LUC	3.441,4	2.720,0	721,4			2.720,0	721,4	3.441,4	149.600.000	299.200.000	27.531.200	28.800.000	505.131.200
137	Vũ Đức Chiến	Phúc Âm 2	16	294	LUC	1.047,4	1.047,4				1.047,4	-	1.047,4	57.607.000	115.214.000	8.379.200	23.040.000	298.352.200
138	Vũ Đức Liên	Phúc Âm 2	15	567	LUC	544,0	544,0				544,0	-	544,0	29.920.000	59.840.000	4.352.000		605.752.300
139	Nguyễn Khắc Ninh - Lê Thị Xuân	Phúc Âm 2	16	328	LUC	3.235,1	3.235,1				3.235,1	-	3.235,1	177.930.500	355.861.000	25.880.800	46.080.000	605.752.300
140	Nguyễn Thị Tuyền - Nguyễn Anh Tuyền	Phúc Âm 2	16	297	LUC	2.210,5	2.176,0	34,5			2.176,0	34,5	2.210,5	119.680.000	239.360.000	17.684.000	23.040.000	399.764.000
141	Nguyễn Bá Dương - Nguyễn Thị Hòa	Phúc Âm 2	16	326	LUC	1.405,7	1.201,0	204,7			1.201,0	204,7	1.405,7	66.055.000	132.110.000	11.245.600	34.560.000	243.970.600
142	Nguyễn Bá Dương - Nguyễn Thị Hòa	Phúc Âm 2	16	482	LUC	1.082,4	1.082,4				1.082,4	-	1.082,4	59.532.000	119.064.000	8.659.200	5.760.000	193.015.200
143	Lê Đình Trí	Phúc Âm 2	16	330	LUC	1.426,3	1.426,3				1.426,3	-	1.426,3	78.446.500	156.893.000	11.410.400	23.040.000	269.789.900
143	Lê Hữu Thành	Phúc Âm 2	16	354	LUC	2.199,1	2.176,0	23,1			2.176,0	23,1	2.199,1	119.680.000	239.360.000	17.592.800	11.520.000	388.152.800

144	Lê Huy Hội	Phúc Âm 2	16	381	LUC	1.677,4	1.632,0	45,4			1.632,0	45,4	1.677,4	89.760.000	179.520.000	13.419.200	40.320.000	323.019.200
145	Nguyễn Văn Lực - Thiêng	Phúc Âm 2	16	408	LUC	2.648,0	2.648,0				2.648,0	-	2.648,0	145.640.000	291.280.000	21.184.000	46.080.000	504.184.000
146	Lê Văn Hôn - Nguyễn Thị Đệ	Phúc Âm 2	16	409	LUC	2.149,7	2.149,7				2.149,7	-	2.149,7	118.233.500	236.467.000	17.197.600	34.560.000	406.458.100
147	Lê Văn Huân - Bình	Phúc Âm 2	15	691	LUC	1.081,7	959,9		121,8		1.081,7	-	1.081,7	59.493.500	118.987.000	8.653.600	28.800.000	215.934.100
148	Thị Văn Sự	Phúc Âm 2	16	430	LUC	2.110,7	2.110,7				2.110,7	-	2.110,7	116.088.500	232.177.000	16.885.600	28.800.000	533.648.600
		Phúc Âm 2	19	88	LUC	807,5	807,5				807,5	-	807,5	44.412.500	88.825.000	6.460.000		
149	Thị Văn Tĩnh	Phúc Âm 2	16	433	LUC	2.053,8	1.204,2	849,6			1.204,2	849,6	2.053,8	66.231.000	132.462.000	16.430.400	40.320.000	255.443.400
150	Nguyễn Thị Quân	Phúc Âm 2	19	18	LUC	2.193,4	2.176,0	17,4			2.176,0	17,4	2.193,4	119.680.000	239.360.000	17.547.200	23.040.000	399.627.200
151	Lê Đình Nam	Phúc Âm 2	19	21	LUC	1.319,6	1.088,0	231,6			1.088,0	231,6	1.319,6	59.840.000	119.680.000	10.556.800	11.520.000	201.596.800
152	Thị Văn Thông - Nguyễn Thị Liên	Phúc Âm 2	19	49	LUC	3.005,0	2.720,0	285,0			2.720,0	285,0	3.005,0	149.600.000	299.200.000	24.040.000	34.560.000	507.400.000
153	Trần Đoàn Thực	Phúc Âm 2	19	82	LUC	1.365,4	1.088,0	277,4			1.088,0	277,4	1.365,4	59.840.000	119.680.000	10.923.200	28.800.000	219.243.200
154	Nguyễn Thị Châu - Lê Văn Tiến	Phúc Âm 2	19	83	LUC	1.182,1	1.088,0	94,1			1.088,0	94,1	1.182,1	59.840.000	119.680.000	9.456.800	23.040.000	212.016.800
155	Lê Thị Quyên	Phúc Âm 2	19	183	LUC	1.423,6	1.423,6				1.423,6	-	1.423,6	78.298.000	156.596.000	11.388.800	34.560.000	280.842.800
<b>I</b>	<b>Tổng</b>					<b>295.163,2</b>	<b>19.745,6</b>	<b>1.045,9</b>	<b>492,9</b>	<b>296.209,1</b>	<b>20.238,5</b>	<b>316.447,6</b>	<b>16.291.500.500</b>	<b>32.583.001.000</b>	<b>2.531.580.800</b>	<b>4.440.960.000</b>	<b>55.847.042.300</b>	
<b>II</b>	<b>Chi phí tổ chức thực hiện I*2%</b>																<b>1.116.940.846</b>	
<b>III</b>	<b>Tổng cộng (I+II)</b>																<b>56.963.983.146</b>	

(Bảng chữ: Năm sáu tỷ, chín trăm sáu ba triệu, chín trăm tám ba nghìn, một trăm bốn sáu đồng)